

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình: Quản trị kinh doanh (Business Administration)

Trình độ đào tạo: Đại học (Bachelor)

Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh (Business Administration);

Mã số: 7340101

Loại hình đào tạo: Chính quy (Full-time)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1431 /QĐ-ĐHQB ngày 25 tháng 8 năm 2021

của Hiệu trưởng Trường Đại học Quảng Bình)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân quản trị kinh doanh có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt; có năng lực về chuyên môn nhằm hoạch định chính sách, chiến lược, kế hoạch kinh doanh, có khả năng tạo lập doanh nghiệp mới; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về quản trị, điều hành các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế; có khả năng tư duy nghiên cứu độc lập; có năng lực nghiên cứu tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu công việc.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

Cử nhân ngành QTKD có khả năng:

+ PO1: Có kiến thức chuyên ngành sâu rộng để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.

+ PO2: Có kiến thức chuyên sâu và hiện đại về khởi sự kinh doanh và quản trị điều hành các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường.

1.2.2. Kỹ năng

+ PO3: Có kỹ năng hoạt động độc lập và phối hợp hoạt động theo nhóm; phong cách làm việc chuyên nghiệp.

+ PO4: Có kỹ năng sử dụng thành thạo các phần mềm tin học cho lĩnh vực quản trị, sử dụng tiếng Anh trong giao dịch, đàm phán; kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, truyền thông và có khả năng tự học, tự rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn.

1.2.3. Thái độ

+ PO5: Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, ý thức cộng đồng, tinh thần cầu

thị, chủ động sáng tạo và tác phong công nghiệp, có ý thức và năng lực hợp tác trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ được giao.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Yêu cầu năng lực

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành QTKD, sinh viên có khả năng:

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
2.1.1 Về kiến thức	
PLO1	Áp dụng được các kiến thức cơ bản về kinh tế, chính trị, xã hội và pháp luật vào việc giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động kinh doanh và quản trị.
2.1.2. Về kỹ năng	
PLO2	Có khả năng giải quyết hiệu quả các vấn đề liên quan đến quản trị kinh doanh
PLO3	Có khả năng hợp tác nhóm để đạt được các mục tiêu chung của tổ chức
PLO4	Có năng lực hoạch định và triển khai chiến lược, chính sách kinh doanh của doanh nghiệp
PLO5	Có năng lực sử dụng tiếng Anh và giao tiếp hiệu quả trong môi trường kinh doanh
PLO6	Đánh giá được môi trường kinh doanh trong bối cảnh toàn cầu hóa, xác định được cơ hội và thách thức trong kinh doanh
PLO7	Có khả năng lập và triển khai các kế hoạch liên quan đến công tác quản trị nhân lực của doanh nghiệp
PLO8	Tạo lập kế hoạch kinh doanh và dự án khởi nghiệp
PLO9	Có khả năng học tập suốt đời
PLO10	Phân tích được các lĩnh vực tài chính, tiếp thị, nguồn nhân lực, chuỗi cung ứng, sản xuất và các hoạt động quản trị
PLO11	Sử dụng thành thạo phần mềm, công cụ thống kê và công nghệ thông tin phục vụ công tác quản trị kinh doanh
2.1.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm	
PLO12	Tuân thủ các chuẩn mực về đạo đức và thực thi trách nhiệm xã hội trong kinh doanh.

2.2. Trình độ Ngoại ngữ

Tiếng Anh: Có chứng chỉ trình độ B1 trở lên (bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) hoặc tương đương do một cơ sở được Trường Đại học Quảng Bình chỉ định cấp.

2.3. Trình độ Tin học

Có chứng chỉ trình độ ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản trở lên hoặc tương đương do Trường Đại học Quảng Bình cấp

2.4. Sự tương thích của chuẩn đầu ra với triết lý giáo dục, sứ mạng, tầm nhìn của trường, khoa và mục tiêu đào tạo của chương trình

Chuẩn đầu ra		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
Triết lý giáo dục trường		H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H
Trường	Sứ mạng	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H
	Tầm nhìn	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H
Khoa	Sứ mạng	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H
	Tầm nhìn	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H
Mục tiêu đào tạo của chương trình	Mục tiêu chung	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H
	Mục tiêu cụ thể	Kiến thức	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H
		Kỹ năng	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H
		Thái độ	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H

Ghi chú: H: Mức độ cao; M: Mức độ trung bình; L: mức độ thấp

2.5. Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

Mục tiêu (POs)	Chuẩn đầu ra (PLOs)											
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
PO1	H	M	L	L	M	M	M	M	H	H	H	H
PO2	M	H	H	H	H	M	H	H	H	H	H	H
PO3	M	M	M	H	H	H	H	H	H	M	H	H
PO4	M	H	H	H	H	H	H	M	L	H	H	H
PO5	M	M	M	M	M	L	H	M	H	H	H	H

Ghi chú: H: Mức độ cao; M: Mức độ trung bình; L: mức độ thấp

2.6. Mức độ đáp ứng của các CDR CTĐT với Khung trình độ Quốc gia

TT	Kiến thức					Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
	KT 1	KT 2	KT 3	KT 4	KT 5	KN 1	KN 2	KN 3	KN 4	KN 5	KN 6	TCT N1	TCT N2	TCT N3	TCT N4
PLO1	X	X	X	X	X										
PLO2						X		X	X	X					
PLO3						X	X	X	X	X					
PLO4						X	X	X							
PLO5											X				
PLO6							X	X		X					

PLO7										X				
PLO8							X	X		X				
PLO9						X								
PLO10														
PLO11														
PLO12											X	X	X	X

Ghi chú: đánh dấu X các ô tương ứng.

3. Cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp

3.1. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

1	Làm việc tại các bộ phận quản trị chiến lược, chính sách và kế hoạch kinh doanh, bộ phận quản trị dự án kinh doanh, bộ phận tổ chức và quản trị nhân lực.
2	Cán bộ quản lý các hoạt động kinh doanh ở các loại hình doanh nghiệp khác nhau.
3	Cán bộ quản lý phụ trách các bộ phận quản trị tác nghiệp của doanh nghiệp
4	Cán bộ phụ trách các bộ phận có liên quan đến quản lý thị trường và thương mại ở các cơ quan quản lý nhà nước các cấp
5	Phụ trách các bộ phận R&D liên quan đến các vấn đề QTKD ở các tổ chức kinh tế, tổ chức phi lợi nhuận, các viện nghiên cứu, các trường trung học nghề, cao đẳng, đại học.
6	Tiếp tục học tập ở bậc cao hơn (Thạc sĩ, Tiến sĩ) và có điều kiện liên thông sang các ngành đào tạo khác
7	Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với yêu cầu của vị trí công tác và quy hoạch phát triển nhân sự ở đơn vị công tác
8	Giám đốc nhà máy, tổng giám đốc các tổ chức và tập đoàn
9	Tự thành lập làm chủ doanh nghiệp và điều hành công ty.

3.2. Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra với vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Vị trí việc làm	Chuẩn đầu ra (PLOs)											
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
1	M	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H
2	M	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H
3	M	H	H	H	H	H	M	H	H	H	H	H
4	M	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H
5	M	H	H	H	H	H	M	H	H	H	H	H
6	M	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H
7	M	H	H	H	H	H	M	H	H	H	H	H

8	M	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H
9	M	H	H	H	H	H	M	H	H	H	H	H

Ghi chú: H: Mức độ cao; M: Mức độ trung bình; L: mức độ thấp

4. Thời gian đào tạo: 4 năm (8 học kỳ)

5. Khối lượng kiến thức toàn khoá: **139** tín chỉ (chưa kể giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất)

Chương trình giảng dạy được chia thành 2 khối kiến thức giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp, trong đó có các học phần bắt buộc và tự chọn với số tín chỉ tương ứng như sau:

TT	Thành phần	Số tín chỉ	
		Bắt buộc	Tự chọn
1	Kiến thức giáo dục đại cương	30	0
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	109	21/42
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	27	9/21
2.2	Kiến thức ngành	60	12/21
2.3	Kiến thức bổ trợ	5	0
2.4	Thực tập tổng hợp, thực tập tốt nghiệp, khoá luận tốt nghiệp,	17	0
	Tổng cộng	139	21/42

6. Đối tượng và phương thức tuyển sinh:

Đối tượng tuyển sinh, phương thức tuyển sinh thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Đề án tuyển sinh hằng năm của Trường Đại học Quảng Bình.

7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy định tại Văn bản hợp nhất số 17/2014/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; Quy định số ---/QĐ-ĐHQB ngày ... tháng ... năm 2021 của Hiệu trưởng trường đại học Quảng Bình ban hành Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

8. Chiến lược và phương pháp dạy học

8.1. Các phương pháp dạy học

Các chiến lược và phương pháp dạy học được sử dụng trong chương trình đào tạo cụ thể như sau:

- Giải thích cụ thể
- Thuyết giảng

- Tham luận
- Câu hỏi gợi mở
- Giải quyết vấn đề
- Học theo tình huống
- Mô hình
- Thực tập, thực tế
- Nhóm nghiên cứu
- Thảo luận
- Học nhóm
- Bài tập ở nhà

8.2. Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra (PLOs) và phương pháp dạy-học

Phương pháp dạy – học	PLOs											
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
Giải thích cụ thể	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Thuyết giảng	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Tham luận	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Câu hỏi gợi mở	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Giải quyết vấn đề	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Học theo tình huống	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Mô hình	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Thực tập, thực tế	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Nhóm nghiên cứu	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Thảo luận	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Học nhóm	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Bài tập ở nhà	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

Ghi chú: đánh dấu X các ô tương ứng.

9. Chiến lược và phương pháp đánh giá

9.1. Các phương pháp đánh giá

Đánh giá kết quả học tập của sinh viên là quá trình ghi chép, lưu giữ và cung cấp thông tin về sự tiến bộ của người học trong suốt quá trình dạy học. Việc đánh giá đảm bảo nguyên tắc rõ ràng, chính xác, khách quan và phân hóa, thường xuyên liên tục và định kỳ. Yêu cầu và tiêu chí đánh giá cụ thể được Khoa KT-DL thiết kế và công bố, làm rõ cho người học trước khi học.

Các thông tin về đánh giá được cung cấp và chia sẻ kịp thời cho các bên liên quan gồm người dạy, người học, phụ huynh và nhà quản lý. Từ đó, kịp thời có những điều chỉnh về các hoạt động dạy học, đảm bảo định hướng và đạt được mục tiêu dạy học.

Khoa KT-DL đã xây dựng và áp dụng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau. Tùy thuộc vào chiến lược, phương pháp dạy học và yêu cầu đáp ứng chuẩn đầu ra của từng môn học để lựa chọn các phương pháp đánh giá phù hợp, đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin để đánh giá mức độ tiến bộ của người học cũng như mức độ hiệu quả đạt được của tiến trình dạy học.

Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo của khoa KT-DL cụ thể như sau:

- Đánh giá chuyên cần
- Đánh giá bài tập
- Đánh giá thuyết trình
- Kiểm tra viết/thực hành/trắc nghiệm/vấn đáp
- Báo cáo/bảo vệ
- Đánh giá làm việc nhóm

9.2. Quan hệ giữa phương pháp đánh giá và PLOs

Phương pháp dạy – học	PLOs											
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
Đánh giá chuyên cần	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Đánh giá bài tập	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Đánh giá thuyết trình	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Kiểm tra viết/thực hành/trắc nghiệm/vấn đáp	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Báo cáo/bảo vệ	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Đánh giá làm việc nhóm	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

Ghi chú: đánh dấu X các ô tương ứng.

9.3. Công cụ, tiêu chí đánh giá

Trên cơ sở các phương pháp đánh giá, khoa KT-DL đã xây dựng các công cụ, tiêu chí cụ thể để thực hiện việc đánh giá sinh viên theo các Rubrics. Tùy theo yêu

cầu, mục tiêu và đặc trưng của từng môn học để lựa chọn phương pháp đánh giá cũng như Rubrics đánh giá thích hợp. Cùng một phương pháp đánh giá có thể áp dụng Rubric đánh giá khác nhau cho các học phần khác nhau.

9.4. Thang điểm

Thực hiện theo Quy định tại Văn bản hợp nhất số 17/2014/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; Quy định số .../QĐ-ĐHQB ngày ... tháng ... năm 2021 của Hiệu trưởng trường đại học Quảng Bình ban hành Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

Điểm đánh giá kết quả học phần được quy đổi sang thang điểm chữ như sau:

a) Loại đạt

A (8,5 – 10): Giỏi

B (7,0 – 8,4): Khá

C (5,5 – 6,9): Trung bình

D (4,0 – 5,4): Trung bình yếu

b) Loại không đạt: F (dưới 4,0) Kém

c) Đối với những học phần chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm trung bình chung học kỳ, khi xếp mức đánh giá được sử dụng các ký hiệu sau:

I - Chưa đủ dữ liệu đánh giá.

X - Chưa nhận được kết quả thi.

Đối với những học phần được nhà trường cho phép chuyển điểm, khi xếp mức đánh giá được sử dụng ký hiệu R viết kèm với kết quả.

10. Mô tả chương trình dạy học

10.1. Nội dung chương trình

TT	Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức					Điều kiện tiên quyết
				Tổng số (TC)	Lý thuyết, bài tập (tiết)	Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Tổng số (tiết)	
1. Kiến thức giáo dục đại cương				30					
1	MLTHML.124	Triết học Mác-Lênin (Marxist-Leninist philosophy)	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về triết học Mác – Lênin, trọng tâm là triết học Mác – Lênin và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội, chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử. Từ đó giúp sinh viên hình thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học, nhân sinh quan cách mạng, xây dựng niềm tin và lý tưởng cách mạng, rèn luyện bản lĩnh chính trị vững vàng nhằm đáp ứng nhu cầu của con người Việt Nam trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.	3	45	0	90	135	Không
2	MLKTCT.125	Kinh tế chính trị Mác – Lênin (Political economy Marxism Leninism)	Học phần trang bị hệ thống tri thức lý luận cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển mới của Việt Nam và	2	30	0	60	90	Triết học Mác –lênin

TT	Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức					Điều kiện tiên quyết
				Tổng số (TC)	Lý thuyết, bài tập (tiết)	Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Tổng số (tiết)	
			thế giới ngày nay. Đảm bảo tính hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức mới, gắn với thực tiễn, sáng tạo, tư duy, phẩm chất người học, tính liên thông, khắc phục trùng lặp, tăng cường tích hợp nội dung phù hợp với đối tượng sinh viên không chuyên lý luận chính trị bậc đại học. Góp phần hình thành kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác - Lênin.						
3	MLCNXH.126	Chủ nghĩa xã hội khoa học (<i>Science socialism</i>)	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cốt lõi và chuyên sâu về CNXH KH, từ đó nhằm hình thành các kỹ năng cơ bản và kỹ năng chuyên ngành để phân tích, đánh giá các vấn đề thực tiễn về chính trị - xã hội liên quan đến CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam. Đồng thời hình thành và phát triển thái độ tích cực, năng lực tự chủ và trách nhiệm đối với các hoạt động của cộng	2	30	0	60	90	Triết học Mác –Lênin

TT	Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức					Điều kiện tiên quyết
				Tổng số (TC)	Lý thuyết, bài tập (tiết)	Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Tổng số (tiết)	
4	MLTHCM.127	Tư tưởng Hồ Chí Minh (<i>Ho Chi Minh Ideology</i>)	đồng xã hội. Học phần trang bị cho sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh; Sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa.	2	30	0	60	90	Triết học Mác-Lênin; Kinh tế chính trị Mác-Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học
5	LLCT.004	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (<i>History of the Communist Party of Vietnam</i>)	Cung cấp những tri thức có tính chất hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), trong hai cuộc chiến tranh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975), trong sự	2	30	0	60	90	Triết học Mác-Lênin; Kinh tế chính trị Mác-Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học

TT	Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức					Điều kiện tiên quyết
				Tổng số (TC)	Lý thuyết, bài tập (tiết)	Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Tổng số (tiết)	
			ngành xây dựng, bảo vệ tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018).						
6	MLPLDC.044	Pháp luật đại cương (General Law)	Giới thiệu những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật; quy phạm pháp luật và các loại văn bản quy phạm pháp luật ở Việt Nam hiện nay; cơ chế điều chỉnh của pháp luật; hệ thống pháp luật Việt Nam.	2	30	0	60	90	Không
7	D50CHINTRI.15	Kinh tế học đại cương (Principles of Economics)	Học phần giới thiệu các khái niệm, nguyên lý và vấn đề cơ bản nhất của kinh tế học; các học thuyết kinh tế; các ý tưởng lớn làm nền tảng cho việc nghiên cứu kinh tế học và cách tiếp cận vấn đề của các nhà kinh tế	2	30	0	60	90	Không
8	TOCACA.013	Toán cao cấp C (Advanced Mathematics C)	Cung cấp các kiến thức về giới hạn, phép tính vi phân, tích phân hàm một biến; phương trình vi phân; ma trận, định thức.	3	45	0	90	135	Không

TT	Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức					Điều kiện tiên quyết
				Tổng số (TC)	Lý thuyết, bài tập (tiết)	Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Tổng số (tiết)	
9	TITINDC.001	Tin học (Informatics)	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về cơ bản tin học, công nghệ thông tin, máy tính điện tử, hệ điều hành và ngôn ngữ lập trình căn bản bao gồm các khái niệm cơ bản, hằng, biến, mảng, biểu thức, các toán tử điều khiển...để viết được một chương trình hoàn chỉnh.	2	15	15	60	90	Không
10	TOXST.001	Xác suất thống kê (Theory of Probability and Statistics)	Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về xác suất – Thống kê để phục vụ trong học tập và nghiên cứu chuyên môn và ứng dụng giải quyết các bài toán thực tế về chuyên môn.	3	30	15	90	135	Không
11	NNTANH.001	Tiếng Anh 1 (English 1)	Kết thúc học phần Tiếng Anh 1, sinh viên có khả năng áp dụng được kiến thức cơ bản về ngôn ngữ như từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm tiếng Anh vào giao tiếp ở trình độ tiên B1 (theo Khung tham chiếu Châu Âu) với các chủ đề thường gặp trong đời sống hằng ngày của sinh viên như: giới thiệu thông tin về cá nhân, học tập, các loại sách, nghiên cứu, thói quen hằng ngày, nghề nghiệp và các kỳ nghỉ đặc	2	30	0	60	30	Không

TT	Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức					Điều kiện tiên quyết
				Tổng số (TC)	Lý thuyết, bài tập (tiết)	Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Tổng số (tiết)	
			biệt.						
12	NNTANH.002	Tiếng Anh 2 (English 2)	Kết thúc học phần Tiếng Anh 2, sinh viên có khả năng áp dụng được kiến thức cơ bản về tiếng Anh vào giao tiếp ở trình độ tiên B1 với các chủ đề, chủ điểm như: gia đình và những người thân yêu, đi du lịch, thành thị và nông thôn, mua sắm.	2	30	0	60	30	Học Xong học phần tiếng Anh 1
13	NNTANH.003	Tiếng Anh 3 (English 3)	Kết thúc học phần Tiếng Anh, có khả năng áp dụng được kiến thức cơ bản về tiếng Anh vào giao tiếp ở trình độ B1 với các chủ đề sau: ăn uống, nơi ở và chỗ sinh hoạt riêng tư, phong cách sống, các hoạt động giải trí và phương tiện giao tiếp, thú cưng và thể giới tự nhiên. Sinh viên có khả tự học, tự thực hành để đạt được năng lực giao tiếp tiếng Anh ở trình độ B1.	3	45	0	90	45	Học Xong học phần tiếng Anh 2
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				109					
2.1. Kiến thức cơ sở của ngành				27					
2.1.1. Bắt buộc									
14	KTKTVM.001	Kinh tế vi mô (Microeconomics)	Học phần nghiên cứu những kiến thức kinh tế cơ sở về hành vi của các cá nhân, doanh	3	45	0	90	135	Không

TT	Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức					Điều kiện tiên quyết
				Tổng số (TC)	Lý thuyết, bài tập (tiết)	Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Tổng số (tiết)	
			ngành và chính phủ trong một nền kinh tế thị trường. Là môn khoa học về lựa chọn, Kinh tế vi mô nghiên cứu các vấn đề cơ bản của lựa chọn; Tính quy luật và xu hướng vận động của kinh tế vi mô; Những khuyết tật của kinh tế thị trường và vai trò điều tiết của Chính phủ thông qua các nội dung như: Cung và cầu về hàng hóa; Cung và cầu về lao động; Sản xuất, chi phí và lợi nhuận; Cạnh tranh và độc quyền; Hạn chế của thị trường và vai trò của chính phủ...						
15	KTKTVM.007	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)	Học phần này cung cấp những kiến thức tổng quát về kinh tế vĩ mô và các nguyên lý cơ bản về hoạt động của toàn bộ nền kinh tế. Phân tích và giải thích các chỉ tiêu của nền kinh tế như: tổng sản phẩm quốc gia, tỉ lệ thất nghiệp, tỉ lệ lạm phát ..., cách xác định sản lượng cân bằng dựa vào mối quan hệ tổng cung - tổng cầu, các vấn đề kinh tế vĩ mô của một nền	3	45	0	90	135	Đã hoàn thành các học phần: Toán cao cấp C, Kinh tế vi mô

TT	Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức					Điều kiện tiên quyết
				Tổng số (TC)	Lý thuyết, bài tập (tiết)	Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Tổng số (tiết)	
			kinh tế mở bao gồm tỉ giá hối đoái, cán cân thanh toán và đặc biệt nhấn mạnh vai trò của Chính Phủ trong việc điều hành nền kinh tế thông qua các chính sách kinh tế như chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ, chính sách ngoại thương nhằm đạt được các mục tiêu kinh tế cụ thể trong từng thời kì.						
16	KTTINUD.022	Tin học ứng dụng trong kinh doanh (<i>Applied informatics in business</i>)	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức chuyên sâu về công cụ Microsoft Office cơ bản và nâng cao để hỗ trợ hiệu quả cho sinh viên trong quá trình học tập và khi đi làm. Giúp sinh viên có kiến thức tổng quan về các ứng dụng của tin học vào trong kinh doanh, các hệ thống thông tin quản lý và sử dụng một số phần mềm phân tích kinh doanh hiệu quả.	3	30	15	90	135	Đã hoàn thành học phần tin học
17	KTKTPT.006	Kinh tế phát triển (<i>Development Economics</i>)	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những vấn đề lý luận chung về tăng trưởng và phát triển kinh tế của các nước đang phát triển; đặc điểm, nội dung biểu hiện sự tiến bộ của các	3	45	0	90	135	Đã hoàn thành học phần Kinh tế vi mô

TT	Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức					Điều kiện tiên quyết
				Tổng số (TC)	Lý thuyết, bài tập (tiết)	Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Tổng số (tiết)	
			mô hình tăng trưởng và phát triển kinh tế; phương pháp phân tích các chỉ số (HDI, tốc độ tăng trưởng...) và xác định các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của một nền kinh tế (vốn, lao động, khoa học kỹ thuật, chính sách...)						
18	KTQTHO.003	Quản trị học (Adminstration)	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị học giúp sinh viên tiếp cận với lịch sử phát triển của các tư tưởng quản trị; nắm bắt được những vấn đề cơ bản trong một tổ chức như: Tổ chức, môi trường hoạt động của tổ chức, nhà quản trị, các quyết định của nhà quản trị và các chức năng quản trị.	3	45	0	90	135	Đã hoàn thành các học phần: Kinh tế vi mô, Toán cao cấp C
19	KTKTLU.027	Kinh tế lượng (Econometrics)	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản trong việc quản trị doanh nghiệp như: Quản trị nhân lực, quản trị marketing,	3	45	0	90	135	Đã hoàn thành các học phần: Quản trị

TT	Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức					Điều kiện tiên quyết
				Tổng số (TC)	Lý thuyết, bài tập (tiết)	Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Tổng số (tiết)	
			quản trị sản xuất, hàng tồn kho. Bên cạnh đó còn trang bị các phương pháp luận về phân tích kinh tế						học, Kinh tế vĩ mô
20	Tự chọn 1			6/12					
21	KTLUAT.62	Luật kinh doanh (Business Law)	Học phần trang bị cho sinh viên các lý luận cơ bản về luật kinh doanh, pháp luật chủ thể kinh doanh, pháp luật về hợp đồng trong thương mại và giải quyết tranh chấp trong kinh doanh	3	45	0	90	135	Đã hoàn thành học phần pháp luật đại cương
22	KTKTQT.064	Kinh tế quốc tế (International Economics)	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Khái niệm, đối tượng và phương pháp nghiên cứu của kinh tế quốc tế; chính sách chuyển dịch nguồn lực kinh tế quốc tế; quan hệ kinh tế giữa các quốc gia trên thế giới; bản chất của các lý thuyết về thương mại quốc tế; chính sách ngoại thương; thị trường tiền tệ và tỷ giá hối đoái; hiểu biết về bản chất và hình thức liên kết, hội nhập kinh tế quốc tế hiện	3	45	0	90	135	Đã hoàn thành học phần Kinh tế vi mô

TT	Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức					Điều kiện tiên quyết
				Tổng số (TC)	Lý thuyết, bài tập (tiết)	Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Tổng số (tiết)	
			nay						
23	KTTTTTC.019	Thị trường tài chính (Financial market)	Học phần thị trường tài chính cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản sau: tổng quan về thị trường tài chính; thị trường tiền tệ; thị trường ngoại hối; những vấn đề cơ bản về thị trường chứng khoán; thị trường sơ cấp; thị trường thứ cấp; phân tích chứng khoán và đầu tư.	3	45	0	90	135	Không
24	KTBTC.253	Phân tích báo cáo tài chính (Financial statement analysis)	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phân tích báo cáo tài chính trong doanh nghiệp, tình hình kinh doanh và vấn đề tài chính trong doanh nghiệp	3	45	0	90	135	Nguyên lý kế toán
25	Tự chọn 2			3/9					
26	KTQLNN.030	Quản lý nhà nước về kinh tế (State Management of	Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức và công cụ quản lý kinh tế của nhà nước như vai trò, chức năng và nội quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp.	3	45	0	90	135	Đã hoàn thành học phần Kinh tế vĩ mô

TT	Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức					Điều kiện tiên quyết
				Tổng số (TC)	Lý thuyết, bài tập (tiết)	Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Tổng số (tiết)	
		<i>economic)</i>							
27	KTHTQL.024	Hệ thống thông tin quản lý (<i>Management information system</i>)	Học phần trang bị những kiến thức cơ bản và toàn diện về hệ thống thông tin quản lý. Giúp sinh viên nhận thức được vai trò chiến lược của các hệ thống thông tin quản lý trong hoạt động sản xuất kinh doanh bằng cách hỗ trợ ra quyết định và tạo ra lợi thế cạnh tranh cho tổ chức. Sinh viên sẽ được tiếp cận một cách có hệ thống với những thành phần công nghệ cơ bản cấu thành hệ thống thông tin quản lý và những loại hình hệ thống thông tin có trong thực tiễn dưới góc độ của các nhà quản lý.	3	45	0	90	135	Không
28	KTTTQT.046	Tín dụng và thanh toán quốc tế	Học phần nghiên cứu những vấn đề thuộc lĩnh vực thanh toán quốc tế, tiền tệ và tín dụng quốc tế. Trong đó, thanh toán quốc tế với các nội dung như: tỷ giá hối đoái, thị trường ngoại hối, các phương thức và phương tiện thanh	3	45	0	90	135	Không

TT	Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức					Điều kiện tiên quyết
				Tổng số (TC)	Lý thuyết, bài tập (tiết)	Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Tổng số (tiết)	
			toán áp dụng trong thương mại quốc tế. Còn tiền tệ quốc tế với nội dung như: tài trợ ngoại thương, tín dụng quốc tế giúp người học hiểu toàn diện hơn về quan hệ đầu tư quốc tế. Bên cạnh đó, môn học còn đề cập tới các tổ chức tài chính và tiền tệ thế giới và khu vực bởi các tổ chức này đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy và định hướng các quan hệ thương mại và tiền tệ quốc tế phát triển.						
2.2. Kiến thức ngành				60					
Bắt buộc									
29	KTNLKT.002	Nguyên lý kế toán (<i>Principles of Accounting</i>)	Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kế toán như đối tượng, nguyên tắc kế toán, các phương pháp kế toán và các nội dung liên quan đến kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu trong doanh nghiệp.	3	45	0	90	135	Không
30	KTMACB.008	Marketing căn bản	Nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức	3	45	0	90	135	Đã hoàn

TT	Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức					Điều kiện tiên quyết
				Tổng số (TC)	Lý thuyết, bài tập (tiết)	Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Tổng số (tiết)	
		(Principles in Marketing)	cơ bản về marketing như: Bản chất Marketing, nghiên cứu marketing, thị trường, các quyết định trong marketing.						thành học phần kinh tế vi mô
31	KTQTTC.017	Quản trị tài chính (Financial Management)	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị tài chính doanh nghiệp như: Phân tích yếu tố lãi suất trong các quyết định tài chính; quản lý vốn cố định và vốn lưu động; định giá cổ phiếu và trái phiếu;...Trên cơ sở đó sinh viên sẽ có khả năng nắm bắt và sử dụng được những công cụ và kỹ thuật quản lý tài chính để thực hiện tốt chức năng của một nhà quản trị tài chính doanh nghiệp; thu thập và phân tích thông tin để ra các quyết định về tài chính.	3	45	0	90	135	Đã hoàn thành học phần: Tài chính – Tín dụng.
32	KTQTSX.052	Quản trị sản xuất (Production management)	Nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị sản xuất như: Nội dung nghiên cứu của quản trị sản xuất; phương pháp dự báo nhu cầu sản xuất; thiết kế được hệ	3	45	0	90	135	Đã hoàn thành các học phần: quản trị

TT	Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức					Điều kiện tiên quyết
				Tổng số (TC)	Lý thuyết, bài tập (tiết)	Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Tổng số (tiết)	
			thống sản xuất và bố trí mặt bằng sản xuất.						học
33	KTQTCL.015	Quản trị chiến lược (Strategic management)	Học phần cung cấp những nguyên lý quản trị chiến lược và vận dụng vào thực tiễn doanh nghiệp. Cung cấp những khái niệm cơ bản về chiến lược và quản trị chiến lược, các mô hình quản trị chiến lược, nguyên lý quản trị chiến lược của doanh nghiệp gồm hoạch định chiến lược; tổ chức thực hiện chiến lược; đánh giá, kiểm soát và điều chỉnh, thay đổi chiến lược của doanh nghiệp dưới những điều kiện môi trường, thị trường và nguồn nhân lực xác định của doanh nghiệp.	3	45	0	90	135	Đã hoàn thành học phần Quản trị học
34	KTQTMA.041	Quản trị Marketing (Marketing management)	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị Marketing và kỹ thuật vận dụng trong phân tích và đánh giá hoạt động quản trị Marketing trong các doanh nghiệp.	3	45	0	90	135	Đã hoàn thành học phần quản trị học, marketing căn bản

TT	Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức					Điều kiện tiên quyết
				Tổng số (TC)	Lý thuyết, bài tập (tiết)	Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Tổng số (tiết)	
35	KTQTNL.016	Quản trị nhân lực (<i>Human Resource Management</i>)	Trang bị cho sinh viên hiểu được thế nào là quản trị sự, sự cần thiết của nó trong một tổ chức, doanh nghiệp; thấy được sự cần thiết phải xây dựng một tiêu chuẩn quản trị nhân sự một tổ chức, doanh nghiệp qua đó hiểu được trách nhiệm và các vấn đề ảnh hưởng đối với quản lý nguồn nhân lực ở một tổ chức doanh nghiệp.	3	45	0	90	135	Đã hoàn thành học phần: quản trị học
36	KTQTCL.040	Quản trị chất lượng (<i>Quality management</i>)	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản lý chất lượng như: Quá trình hình thành các lý thuyết quản lý chất lượng; vai trò của quản lý chất lượng trong các tổ chức; các khái niệm chất lượng và quản lý chất lượng; các công cụ quản lý chất lượng; các phương pháp quản lý chất lượng và các tiêu chuẩn quản lý chất lượng. Trên cơ sở đó sinh viên có khả năng từng bước vận dụng các lý thuyết quản lý chất lượng vào thực tiễn công việc	3	45	0	90	135	Đã hoàn thành học phần: quản trị học

TT	Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức					Điều kiện tiên quyết
				Tổng số (TC)	Lý thuyết, bài tập (tiết)	Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Tổng số (tiết)	
37	KTQTBH.031	Quản trị bán hàng (Sales management)	Trang bị kiến thức cho sinh viên về quản trị bán hàng. Cụ thể là khái quát về nhân viên bán hàng và người quản trị bán hàng. các kỹ năng cần thiết để một người trở thành một nhà quản lý bán hàng xuất sắc; xây dựng đội ngũ bán hàng thông thạo và có năng suất; và quản trị lực lượng bán hàng.	3	45	0	90	135	Đã hoàn thành học phần: Quản trị học, Marketing căn bản
38	KTNCKH.250	Nghiên cứu khoa học và Khởi nghiệp (Research methods for Business and Entrepreneurship)	Học phần cung cấp các kiến thức về các phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên sâu cho lĩnh vực kinh doanh. Cung cấp thông tin về quy trình nghiên cứu khoa học và phương pháp phân tích dữ liệu. Học phần giới thiệu về các loại hình doanh nghiệp khởi nghiệp và một Bài học sáng tạo từ một số doanh nghiệp thành công trên thế giới. Cung cấp các nội dung Khởi nghiệp tinh gọn và các bước khởi nghiệp nhằm giúp sinh viên có khả năng tự khởi nghiệp sau khi ra trường.	3	45	0	90	135	Đã hoàn thành học phần: Quản trị học
39	KTDDA.034	Thiết lập và thẩm định	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên kiến	3	45	0	90	135	Đã hoàn

TT	Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức					Điều kiện tiên quyết
				Tổng số (TC)	Lý thuyết, bài tập (tiết)	Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Tổng số (tiết)	
		dự án đầu tư (<i>Investment Project Design and Management</i>)	thức về các kỹ thuật thiết lập, thẩm định và đánh giá một dự án đầu tư						thành học phần: Kinh tế vĩ mô
40	KTTKKD.021	Thống kê kinh doanh (<i>Business statistics</i>)	Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về nguyên lý thống kê, các phương pháp thống kê nghiệp vụ kinh doanh và những kỹ năng vận dụng vào thực tiễn ở các doanh nghiệp: Các phương pháp điều tra, chọn mẫu, phân tích và tổng hợp; Các phương pháp thống kê về doanh thu, chi phí và giá thành, kết quả và hiệu quả kinh doanh.	3	45	0	90	135	Đã hoàn thành học phần: Quản trị học
41	KTTMDT.195	Thương mại điện tử (<i>Electronic commerce</i>)	Cung cấp kiến thức cơ bản về tổng quan các hoạt động thương mại điện tử, cách thức tiến hành hoạt động kinh doanh trên mạng. Xác định được và biết cách tiếp cận các đối tượng khách hàng trên Internet. Ngoài ra, sinh viên cũng được cung cấp quy trình xây dựng website, các yếu tố cần có cho một website,	3	30	15	90	135	Đã hoàn thành học phần: Marketing căn bản, Tin học đại cương

TT	Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức					Điều kiện tiên quyết
				Tổng số (TC)	Lý thuyết, bài tập (tiết)	Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Tổng số (tiết)	
			các phương thức thanh toán và hình thức quảng cáo hiệu quả.						
42	KTTLKD.020	Tâm lý học quản trị kinh doanh (<i>Management Psychology</i>)	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tâm lý học trong kinh doanh nhằm hiểu được tâm lý học kinh doanh, vấn đề con người trong kinh doanh, các đặc điểm xã hội – tâm lý của giới doanh nhân và những yêu cầu đặt ra về nhân cách giám đốc doanh nghiệp, tâm lý khách hàng, khoa học nhận biết và giao tiếp trong kinh doanh.	3	45	0	90	135	Đã hoàn thành học phần: Quản trị học, Marketing căn bản
43	KTQTV.P.043	Quản trị văn phòng (<i>Office administrator</i>)	Cung cấp cho sinh viên một cách tổng quát những vấn đề về quản trị văn phòng; Phương pháp và cách thức hoạch định, lập kế hoạch, tổ chức, quản trị con người, quản trị thông tin, văn bản và các hoạt động trong phạm vi văn phòng; Cách thức tổ chức các cuộc họp, hội nghị; Các kỹ năng của một người điều hành của nhà quản trị văn phòng và hệ thống kiến thức về đối thoại, giao tiếp, ứng xử trước đám	3	45	0	90	135	Đã hoàn thành học phần quản trị học

TT	Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức					Điều kiện tiên quyết
				Tổng số (TC)	Lý thuyết, bài tập (tiết)	Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Tổng số (tiết)	
			đồng						
44	KTTCTD.096	Tài chính – Tín dụng (<i>financial credit</i>)	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về mối quan hệ kinh tế giữa các thực thể tài chính phát sinh trong quá trình hình thành, phân phối và sử dụng các nguồn lực tài chính. Giới thiệu cấu trúc, sự hoạt động của các khâu trong hệ thống tài chính như: Tài chính Nhà nước, tài chính khu vực phi tài chính, tài chính của khu vực tài chính, tài chính các hộ gia đình và tài chính các tổ chức xã hội trong nền kinh tế thị trường mở.	3	45	0	90	135	Đã hoàn thành học phần: Kinh tế vi mô
45	Tự chọn 3			6/9					
46	KTQTRR.042	Quản trị rủi ro (<i>Risk Management</i>)	Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị rủi ro, nhận dạng rủi ro; đo lường rủi ro; kiểm soát rủi ro; kỹ thuật tài trợ rủi ro; các phương pháp xử lý rủi ro, những kiến thức hiện đại về rủi ro và quản trị rủi ro	3	45	0	90	135	Đã hoàn thành học phần: Quản trị học

TT	Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức					Điều kiện tiên quyết
				Tổng số (TC)	Lý thuyết, bài tập (tiết)	Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Tổng số (tiết)	
47	QTTH. 053	Quản trị thương hiệu (<i>Brand Management</i>)	Môn học cung cấp những kiến thức tổng quát về thương hiệu; Tài sản thương hiệu; Định vị thương hiệu; Kiến trúc thương hiệu; Hệ thống nhận diện thương hiệu; Thiết kế thương hiệu; truyền thông thương hiệu.	3	45	0	90	135	Đã hoàn thành học phần Marketing cơ bản
48	KD. KTDDKD.239	Đạo đức kinh doanh (<i>Business ethics</i>)	Học phần giới thiệu tổng quan về các khái niệm và vấn đề đạo đức kinh doanh, các triết lý đạo đức trong kinh doanh và các nghĩa vụ trong trách nhiệm xã hội của công ty, các phương pháp và công cụ phân tích hành vi đạo đức trong kinh doanh, một số tình huống điển hình về đạo đức kinh doanh, văn hóa công ty, và vận dụng trong quản lý – Tạo lập bản sắc văn hóa công ty.	3	45	0	90	135	Không
49	Tự chọn 4			3/9					
50	KTHDKD.051	Phân tích hoạt động kinh doanh	Trang bị cho sinh viên những kiến thức và phương pháp phân tích hoạt động kinh doanh	3	45	0	90	135	Đã hoàn thành học phần:

TT	Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức					Điều kiện tiên quyết
				Tổng số (TC)	Lý thuyết, bài tập (tiết)	Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Tổng số (tiết)	
		(Business Analysis)	trong doanh nghiệp. Trên cơ sở đó sinh viên rèn luyện kỹ năng tính toán và giải quyết các vấn đề trong quá trình phân tích kinh doanh đồng thời vận dụng các phương pháp phân tích để phân tích những nội dung cụ thể trong doanh nghiệp.						Quản trị tài chính, quản trị sản xuất
51	KTTTCK.033	Thị trường chứng khoán (Securities markets)	Nội dung chủ yếu của học phần nhằm giới thiệu tổng quan về thị trường tài chính và thị trường chứng khoán; Hàng hóa của thị trường chứng khoán; Nghiệp vụ phát hành chứng khoán; Thực hành giao dịch chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán. Ngoài ra, học phần còn giới thiệu về thị trường phi tập trung, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ	3	45	0	90	135	Đã hoàn thành học phần: Kinh tế vi mô
52	KTTCTT.239	Tài chính tiền tệ (Monetary finance)	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản có tính hệ thống như Lý luận cơ bản về tài chính và cấu trúc hệ thống tài chính; Lý luận cơ bản về tiền tệ; Những nội dung cơ bản về các khâu trong hệ thống tài chính như:	3					Không

TT	Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức					Điều kiện tiên quyết
				Tổng số (TC)	Lý thuyết, bài tập (tiết)	Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Tổng số (tiết)	
			khâu tài chính công, tài chính doanh nghiệp, tài chính hộ gia đình; Những vấn đề cơ bản về thị trường tài chính như thị trường chứng khoán, thị trường vốn, thị trường tiền tệ; Những nội dung cơ bản về các định chế tài chính trung gian như các ngân hàng, công ty bảo hiểm, công ty tài chính...						
53	KTCLGI.247	Chiến lược giá (Pricing Strategy)	Học phần cung cấp cho người các kiến thức để xác định giá của một sản phẩm hay dịch vụ định giá thông qua kênh tiếp thị và dựa trên 3C: chi phí, hành vi khách hàng và đối thủ cạnh tranh. Đồng thời biết xác định các chiến lược cũng như chiến thuật giá cả theo phân khúc thị trường, định giá sản phẩm trong suốt vòng đời sản phẩm, định giá thông qua kênh tiếp thị, phân biệt giá, phân chia giá, cấu trúc giá cả và ứng dụng của tiếp thị trong việc khuyến mãi nhằm tạo ra giá trị bổ sung	3	45	0	90	135	Không
2.3. Kiến thức bổ trợ				5					

TT	Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức					Điều kiện tiên quyết
				Tổng số (TC)	Lý thuyết, bài tập (tiết)	Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Tổng số (tiết)	
54	NNTACN.004	Tiếng anh chuyên ngành (<i>English for specific purpose</i>)	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về ngữ pháp, vốn từ vựng sử dụng trong chuyên ngành quản trị kinh doanh, giúp cho sinh viên có khả năng đọc và tra cứu các tài liệu chuyên ngành phục vụ cho việc nghiên cứu	3	45	0	90	135	Đã hoàn thành học phần tiếng Anh 3
55	KTTHUE.056	Thuế (<i>Tax</i>)	Học phần nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về thuế, tầm quan trọng, tác động của việc đánh thuế đến nền kinh tế, nguyên tắc xác lập các loại thuế khác nhau. Trên cơ sở lý luận chung, môn học đi sâu nghiên cứu nội dung cơ bản của một số sắc thuế chủ yếu hiện hành ở Việt nam như: Thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt,, thuế xuất nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân và hướng dẫn cách hạch toán các loại thuế doanh nghiệp.	2	30	0	60	90	Đã hoàn thành các học phần: Nguyên lý kế toán
2.4. Thực tập tốt nghiệp, khoá luận tốt nghiệp (KLTN)				17					

TT	Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức					Điều kiện tiên quyết
				Tổng số (TC)	Lý thuyết, bài tập (tiết)	Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Tổng số (tiết)	
56	KTTTTH.045	Thực tập tổng hợp (General Internship)	Học phần thực tập tổng hợp giúp sinh viên có thể biết được các vấn đề tổng quan tại một doanh nghiệp, khái quát về tổ chức bộ máy tổ chức, tình hình tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí lợi nhuận của một đơn vị kinh doanh qua 3 đến 5 năm	4		60	120	180	Quản trị sản xuất
57	TTTNDH	Thực tập tốt nghiệp (Graduation Internship)	Học phần này sinh viên thực tập tốt nghiệp; sinh viên thử nghiệm tìm định hướng KLTN dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Các chủ đề định hướng của thực tập tốt nghiệp được giảng viên công bố và trao đổi với sinh viên. Sinh viên lập báo cáo trình bày theo tiến độ hàng tuần và thực hiện báo cáo cho giảng viên và sinh viên trong nhóm.	6	0	90	180	270	Đã hoàn thành thực tập tổng hợp
KLTNDH KLTN hoặc các học phần thay thế KLTN				7			210	210	Đã hoàn thành thực tập tốt nghiệp

TT	Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức					Điều kiện tiên quyết
				Tổng số (TC)	Lý thuyết, bài tập (tiết)	Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Tổng số (tiết)	
58	KTQTKD.061	Chuyên đề quản trị kinh doanh (<i>The metic business administration</i>)	Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản trong nghiên cứu và viết một chuyên đề quản trị về các lĩnh vực: Quản trị Marketing, Quản trị sản xuất, Quản trị nhân lực (lao động, tiền lương), Quản trị Tài chính, Phân tích hoạt động kinh doanh và Quản trị chiến lược phát triển doanh nghiệp. Sinh viên vừa học lý thuyết vừa thực hành thông qua thảo luận, giải quyết vấn đề theo tình huống.	3	45	45	120	180	
59	KTQTDN.060	Quản trị doanh nghiệp (Corporate Management)	Học phần quản trị doanh nghiệp nghiên cứu những nguyên lý quản trị doanh nghiệp: Bản chất của quản trị doanh nghiệp, quản trị sản xuất, quản trị nhân lực, quản trị tài chính... nhằm vận dụng vào thực tiễn và nâng cao hiệu quả kinh doanh tại doanh nghiệp.	4	60	60	180	135	

10.2. Mối quan hệ giữa nội dung các học phần với chuẩn đầu ra

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	PLOs
----	-------------	--------------	------------	------

				PLO1	PLO2	PL O3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO1 0	PLO1 1	PLO1 2
1	MLTH ML.124	Triết học Mác-Lênin	3	M	I	R	R		R	I	I	M			M
2	MLKTC T.125	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	M	I	R	R		R	I	I	M			M
3	MLCN XH.126	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	M	I	R	R		R	I	I	M			M
4	MLLCT .003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	M	I	R	R		R	I	I	M			M
5	MLLCT .004	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	M	I	R	R		R	I	I	M			M
6	MLPLD C.044	Pháp luật đại cương	2	M	I	R	R		R	I	I	M			M
7	D50CHI NTRI.1 5	Kinh tế học đại cương	2	I	R		I		I	I	R	I	R	I	R
8	TOCAC A.013	Toán cao cấp C	3	R	I	R	R		R	I	I	M			I
9	TITIND C.001	Tin học	2	R	I	R	R		R	I	I	M			I
10	TOXST. 001	Xác suất thống kê	3	R	I	R	R		R	I	I	M			I
11	NNTAN H.001	Tiếng Anh 1	2	I		I		I				I			I
12	NNTAN H.002	Tiếng Anh 2	2	I		I		R				R			I

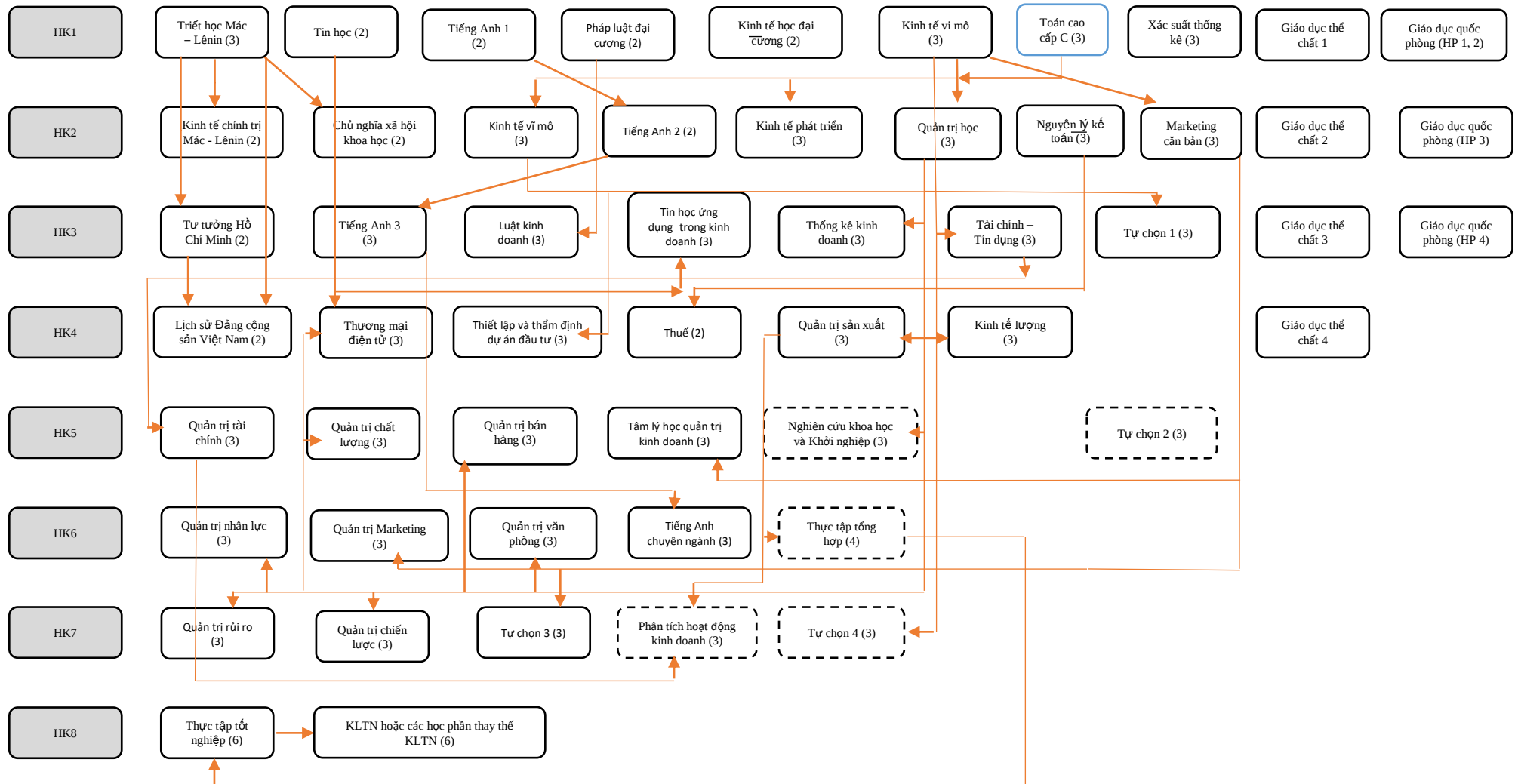
13	NNTAN H.003	Tiếng Anh 3	3	I		I		R				R			I
14	KTKTV M.001	Kinh tế vi mô	3	I	R	I	I		R	M	I	I		I	R
15	KTKTV M.007	Kinh tế vĩ mô	3	I	I	M	M		M	I			R	R	M
16	KTTIN UD.022	Tin học ứng dụng trong kinh doanh	3	I	R		I		I	I	R	I	R	M	
17	KTKTP T.006	Kinh tế phát triển	3	R	I	I	I	R	M	M	R	I		R	I
18	KTQTH O.003	Quản trị học	3	M	M		M	R	M	I	M		M	I	I
19	KTLUA T.62	Luật kinh doanh	3	R	R	M			R	I	M	M	R	I	M
20	KTKTL U.027	Kinh tế lượng	3			M				M	M		M	M,A	M
21	KTKTQ T.064	Kinh tế quốc tế	3	R	R		I		R	R	I	I			I
22	KTTTT C.019	Thị trường tài chính	3	R	R	R	R	I	M	I	R	R	R	M	R
23	KTBC C.253	Phân tích báo cáo tài chính	3	M	M	R	M,A		M	R	M	R	I	I	M
24	KTQLN N.030	Quản lý nhà nước về kinh tế	3	I	R		R	R	M	M	I	I	R	I	I
25	KHTHTQ L.024	Hệ thống thông tin quản lý	3	I	R	I	I	R		R	R	I	M	M	I
26	KTTTQ T.046	Tín dụng và thanh toán quốc tế	3	R	I	I	I		I	R	R	I	R	R	R
27	KTNLK T.002	Nguyên lý kế toán	3	R	R	R	R		I	I	I	I			I

28	KTMA CB.008	Marketing căn bản	3	M	M		M	R	M	I	M		M	I	I
29	KTQTT C.017	Quản trị tài chính	3	R	M,A	M,A	M,A	I	M	I	M	M	M,A	M	M
30	KTQTS X.052	Quản trị sản xuất	3	I	I		R				R		R,A		
31	KTQTC L.015	Quản trị chiến lược	3	R	R		M,A	M	M	M	M		R	M	R
32	KTQTR R.042	Quản trị rủi ro	3	R	M	R	M	I	R	R	M	M	M	I	M
33	KTQT MA.041	Quản trị Marketing	3	M	M		M,A	R	M	I	M		M	I	I
34	KTQTN L.016	Quản trị nhân lực	3	R	R	R	R	I	M	M,A	M	I	M	R	I
35	KTQTC L.040	Quản trị chất lượng	3	M	M	R	M,A		M	R	M	R	M	I	I
36	KTQTB H.031	Quản trị bán hàng	3	M	M	M,A	M		M	R	M	R	I		I
37	KTNCK H.250	Nghiên cứu khoa học và Khởi nghiệp	3	I	R		M		M	M	M,A	I	R	R	
38	KTHDK D.051	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	M	M	R	M		M	I	M,A	R	I	I	R
39	KTTDD A.034	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	3	M	R	R	M	I	M	M	M,A	R	M	M	M
40	KTTKK D.021	Thông kê kinh doanh	3	M	M	M	R	M		M	I	R	M	M	M
41	KTTM DT.195	Thương mại điện tử	3	R	M	M	M				M		M	M,A	
42	KTTLK D.020	Tâm lý học quản trị kinh doanh	3	M	M	R	M		M	R	M	R	M,A		I

[illegible]

Tổng hợp số lượng học phần theo các mức độ đóng góp <i>(không tính đến HP tự chọn)</i>												
Mức I	10	13	5	4	7	5	19	14	10	3	11	15
Mức R	14	10	18	16	8	12	6	5	11	7	5	7
Mức M	21	17	12	19	6	22	12	18	15	18	9	16
Học phần A	0	3	4	6	1	4	4	3	1	6	3	1
Số lượng HP có hỗ trợ đạt được PLO/PI	45	40	35	39	21	39	37	37	36	28	25	38

10.3. Sơ đồ chương trình dạy học



10.4. Dự kiến kế hoạch giảng dạy

TT	Tên học phần	Số TC
<i>Giáo dục quốc phòng – an ninh (giảng dạy tập trung theo đợt) 165 giờ</i>		
Học kỳ I		
1	Triết học Mác-Lênin	3
2	Tin học	2
3	Pháp luật đại cương	2
4	Kinh tế học đại cương	2
5	Kinh tế vi mô	3
6	Toán cao cấp C	3
7	Xác suất thống kê	3
8	Tiếng Anh 1	2
9	Giáo dục thể chất 1	
Tổng		20
Học kỳ II		
1	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2
2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
3	Kinh tế vĩ mô	3
4	Kinh tế phát triển	3
5	Quản trị học	3
6	Nguyên lý kế toán	3
7	Marketing căn bản	3
8	Tiếng Anh 2	2
9	Giáo dục thể chất 2	
Tổng		21
Học kỳ III		
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
3	Tin học ứng dụng trong kinh doanh	3
4	Thống kê kinh doanh	3
5	Tài chính – Tín dụng	3
6	Tự chọn 1	6/12
	Luật kinh doanh	3
	Kinh tế quốc tế	3
	Thị trường tài chính	3

	Phân tích báo cáo tài chính	3
7	Tiếng Anh 3	3
8	Giáo dục thể chất 3	
Tổng		20
Học kỳ IV		
1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2
2	Thương mại điện tử	3
3	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	3
4	Thuế	2
5	Quản trị sản xuất	3
6	Kinh tế lượng	3
7	Giáo dục thể chất 4	
Tổng		16
Học kỳ V		
1	Quản trị tài chính	3
2	Tự chọn 2	3/9
	Quản lý nhà nước về kinh tế	3
	Hệ thống thông tin quản lý	3
	Tín dụng và thanh toán quốc tế	3
3	Quản trị chất lượng	3
4	Quản trị bán hàng	3
5	Tâm lý học quản trị kinh doanh	3
6	Nghiên cứu khoa học và Khởi nghiệp	3
Tổng		18
Học kỳ VI		
1	Quản trị nhân lực	3
2	Quản trị Marketing	3
3	Quản trị văn phòng	3
4	Tiếng Anh chuyên ngành	3
5	Thực tập tổng hợp	4
Tổng		16
Học kỳ VII		
1	Quản trị chiến lược	3

2	Tự chọn 3	6/9
	Quản trị rủi ro	3
	Quản trị thương hiệu	3
	Đạo đức kinh doanh	3
3	Tự chọn 4	6/12
	Phân tích hoạt động kinh doanh	3
	Thị trường chứng khoán	3
	Tài chính tiền tệ	3
	Chiến lược giá	3
Tổng		15
Học kỳ VIII		
Thực tập tốt nghiệp		6
KLTN hoặc các học phần thay thế KLTN		7
1	<i>Chuyên đề quản trị kinh doanh</i>	3
2	<i>Quản trị doanh nghiệp</i>	4
Tổng		13

11. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình

11.1. Danh sách giảng viên cơ hữu

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất ngành đào tạo	Học phần giảng dạy
1	Trần Tự Lực	1977	Tiến sĩ, Kinh tế	Marketing cơ bản, Quản trị Marketing, Phân tích hoạt động kinh doanh, Chuyên đề quản trị kinh doanh, Quản trị doanh nghiệp
2	Nguyễn Văn Chung	1983	Tiến sĩ, QTKD	Luật kinh doanh, Tin học ứng dụng trong kinh doanh, Thương mại điện tử, Tiếng Anh chuyên ngành, Quản trị chiến lược
3	Phan Thị Thu Hà	1985	Thạc sĩ, Kế toán Kiểm toán và Phân tích	Nguyên lý kế toán
4	Trương Thùy Vân	1985	Tiến sĩ, Kế toán	Nguyên lý kế toán
5	Trần Thị Thu Thủy	1982	Tiến sĩ, Kinh tế	Quản trị văn phòng, Quản

				lý nhà nước về kinh tế
6	Hoàng Thị Dung	1983	Thạc sỹ, QTKD	Kinh tế vi mô, Quản trị sản xuất, Thị trường chứng khoán
7	Bùi Khắc Hoài Phương	1984	Tiến sỹ, Tài chính Ngân hàng	Kinh tế phát triển, Thống kê kinh doanh, Tài chính – Tín dụng, Kinh tế lượng, Quản trị tài chính
8	Nguyễn Tuyết Khanh	1985	Thạc sỹ, QTKD	Chiến lược giá, Tài chính doanh nghiệp
9	Trương Quang Hùng	1985	Thạc sỹ, Quản trị du lịch	Quản trị học, Quản trị chiến lược
10	Nguyễn Thị Diệu Thanh	1989	Thạc sỹ, Kế toán	Nguyên lý kế toán Hệ thống thông tin kế toán ¹
11	Nguyễn Thị Kim Phụng	1988	Thạc sỹ, KTPT	Quản trị học, Hệ thống thông tin quản lý
12	Phạm Thị Bích Thủy	1988	Thạc sỹ, QTKD	Marketing căn bản, Quản trị Marketing, Quản trị rủi ro
13	Phan Nữ Ý Anh	1988	Thạc sỹ, QTKD	Thuế, Tâm lý học quản trị kinh doanh
14	Lê Khắc Hoài Thanh	1989	Thạc sỹ, Kinh tế	Tiếng anh chuyên ngành, Chuẩn mực kế toán quốc tế
15	Dương Hải Long	1987	Thạc sỹ, QTKD	Quản trị bán hàng, Phân tích hoạt động kinh doanh
16	Nguyễn Thị Hà Thanh	1988	Thạc sỹ, QTKD	Nguyên lý kế toán Phần mềm kế toán Kế toán chi phí Kế toán hành chính sự nghiệp
17	Nguyễn Xuân Hảo	1974	Tiến sỹ, Kinh tế	Quản trị tài chính, Kinh tế quốc tế, Kinh tế phát triển
18	Phan Văn Thành	1987	Tiến sỹ, Kinh tế	Chiến lược giá, Kinh tế học đại cương
19	Nguyễn Văn Duy	1979	TS Triết học	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối Cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam

20	Phùng Thị Loan	1978	ThS Luật	Pháp luật đại cương
21	Phạm Thị Hà	1976	TS Tiếng Anh	Tiếng Anh B1
22	Trần Thủy	1972	TS Giáo dục thể chất và Huấn luyện Thể thao	Giáo dục thể chất
23	Lê Thị Hiếu	1986	Cử nhân GDQP	Giáo dục quốc phòng
24	Trần Văn Cường	1981	TS CNTT	Tin học ứng dụng
25	Phạm Xuân Hậu	1980	TS Công nghệ Máy tính	Tin học đại cương
26	Phan Trọng Tiến	1982	ThS Toán	Toán cao cấp C, Xác suất thống kê
27	Nguyễn Đình Hùng	1968	TS Lý luận NN	Tiếng Anh 1, 2,3
28	Lê Thị Hằng	1976	TS Ngôn ngữ học	Tiếng Anh 1, 2,3
29	Phạm Thị Hà	1976	TS Ngôn ngữ học	Tiếng Anh 1, 2,3
30	Hoàng Thị Hà	1981	ThS Ngôn ngữ học	Tiếng Anh 1, 2,3
31	Võ Thị Dung	1974	TS Ngôn ngữ học đối chiếu	Tiếng Anh 1, 2,3
32	Nguyễn Thị Lan Anh	1968	ThS PPGD	Tiếng Anh 1, 2,3
33	Hoàng Hoa Ngọc Lan	1984	ThS PPGD	Tiếng Anh 1, 2,3
34	Nguyễn Thị Mai Hoa	1971	TS Ngôn ngữ học	Tiếng Anh 1, 2,3
35	Nguyễn Thị Lệ Hằng	1981	ThS Ngôn ngữ Anh, NCS	Tiếng Anh 1, 2,3
36	Nguyễn Thị Hồng Thắm	1987	ThS PPGD	Tiếng Anh 1, 2,3
37	Nguyễn Thị Hồng Thúy	1987	ThS PPGD	Tiếng Anh 1, 2,3

38	Hoàng Ngọc Anh	1982	ThS PPGD	Tiếng Anh 1, 2,3
39	Nguyễn Thọ Phước Thảo	1986	ThS Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh 1, 2,3
40	Hoàng Thị Mỹ Hạnh	1983	ThS Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh 1, 2,3
41	Trần Thị Phương Tú	1988	ThS PPGD	Tiếng Anh 1, 2,3
42	Mai Thị Như Hằng	1988	ThS NNHUD	Tiếng Anh 1, 2,3
43	Mai Thị Thuỳ Dung	1988	ThS PPGD	Tiếng Anh 1, 2,3

11.2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng

12. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

12.1. Các phòng thí nghiệm và các hệ thống thiết bị thí nghiệm

TT	Tên phòng thí nghiệm, xưởng, trạm trại, cơ sở thực hành	Diện tích (m2)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành			Đúng/ không đúng với HS	Ghi chú
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ môn học /học phần		
1	Phòng máy tính số 1	98	Máy vi tính	50	Các học phần có thời lượng thực hành	Đúng	
2	Phòng máy tính số 2	52	Máy vi tính	32	Các học phần có thời lượng thực hành	Đúng	
3	Phòng máy tính số 3	52	Máy vi tính	32	Các học phần có thời lượng thực hành	Đúng	
4	Phòng máy tính số 4	26	Máy vi tính	16	Học phần Quản trị mạng và bảo trì hệ	Đúng	

					thống		
5	Phòng máy tính số 5	52	Máy vi tính	32	Các học phần có thời lượng thực hành	Đúng	
6	Phòng máy tính lab tầng 1	111	Máy vi tính	49	Các học phần có thời lượng thực hành	Đúng	
7	Phòng máy tính lab tầng 3	156	Máy vi tính	49	Các học phần có thời lượng thực hành	Đúng	

12.2. Thư viện

- Diện tích thư viện: 3160 m² (3 tầng)

- Diện tích phòng đọc: 1.050 m²

- Phòng đọc và mượn tài liệu: 04

- Phòng Lab, phòng máy tính: 02

- Phòng Hội thảo, chuyên đề: 05

- Các phòng tự học, tự nghiên cứu, học nhóm, đa phương tiện, Phòng Truyền thống và các dịch vụ khác.

- Số chỗ ngồi: 370; Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 32

- Phần mềm quản lý thư viện: 02

- Thư viện điện tử: 01

Tổng số lượng bản sách: 100.087 (bản), 12.801 (đầu sách).

Đầu báo, tạp chí các loại ấn phẩm định kỳ khác: 730 loại.

Bài giảng, giáo trình nội bộ: 561 đầu.

Tài liệu nội sinh (DSPACE): 1100 file

Nguồn cơ sở dữ liệu khác: Thư viện số gồm Tài liệu.VN; Proquest: Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia.

12.3. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo

TT	Tên giáo trình, bài giảng	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
1	Giáo trình Mác - Lênin	Nguyễn Hữu Vui, Nguyễn Ngọc Long	Chính trị quốc gia	2005

2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Đặng Xuân Kỳ, Vũ Kiều, Song Thành,...	Chính trị quốc gia	2003
3	Đường lối Cách mạng của Đảng CSVN: Dành cho sinh viên Đại học, Cao đẳng	Đinh Xuân Lý, Nguyễn Đăng Quang, Nguyễn Viết Thông	Chính trị quốc gia	2009
4	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Viện lịch sử Đảng	Chính trị quốc gia	2002
5	Xác suất thống kê	Đào Hữu Hồ	Nhà xuất bản ĐHQGHN	1996
6	Bài giảng Pháp luật đại cương	Phùng Thị Loan	Trường Đại học Quảng Binh.	2020
7	Phương Pháp Luận Nghiên Cứu Khoa Học	Vũ Cao Đàm	NXB Khoa học kỹ thuật	2003
8	Giáo trình tin học cơ sở	Hồ Sỹ Đoàn	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	2004
9	Giáo trình ngôn ngữ lập trình C	Nguyễn Linh Giang	Nhà xuất bản Giáo dục	2008
10	Kỹ thuật lập trình C	Phạm Văn Ất	Nhà xuất bản khoa học kỹ thuật	1997
11	Bài giảng tin học ứng dụng trong kinh doanh	Nguyễn Văn Chung	Trường Đại học Quảng Binh (Lưu hành nội bộ)	2020
12	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Trần Ngọc Thêm	NXB Giáo dục	1999
13	Phương Pháp Luận Nghiên Cứu (Cẩm nang hướng dẫn từng bước dành cho người bắt đầu)	Trung Nguyên	Nhà xuất bản KH & KT	2005
14	Kinh tế học vi mô	Ngô Đình Giao	Nhà xuất bản Giáo dục	2010
15	Kinh tế học vĩ mô	Phạm Quang Phan	Nhà xuất bản Thống kê	2013
16	Kinh tế học vĩ mô	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nhà xuất bản Giáo dục	2009
17	Giáo trình quản trị học	Phạm Minh Châu, Nguyễn Thị Liên Hiệp, Phạm Xuân Lan	Nxb Phương Đông	2006
18	Phân tích hoạt động	Nguyễn Tấn	NXB Đại	2006

	doanh nghiệp	Bình	học quốc gia TP HCM	
19	Quản trị Marketing trong doanh nghiệp	TS. Trương Đình Chiến	NXB Thống Kê	2002
20	Giáo trình quản trị học	TS. Phạm Minh Châu, PGS.TS Nguyễn Thị Liên Hiệp, TS. Phạm Xuân Lan	NXB Phương Đông	2006
21	Giáo trình thống kê doanh nghiệp	TS. Nguyễn Công Nhựt	NXB Thống kê	2003
22	Giáo trình lý thuyết thống kê ứng dụng trong quản trị và kinh tế	Hà Văn Sơn	NXB Thống kê	2004
23	Giáo trình thống kê doanh nghiệp	GS.TS. Phạm Ngọc Kiểm	NXB Lao động -Xã hội	2002
24	Bài giảng Quản trị rủi ro	Phan Thị Thu Hà	NXB ĐH Kinh tế quốc dân	2016
25	Quản trị rủi ro và khủng hoảng	Đoàn Thị Hồng Vân	NXB Lao động – Xã hội	2011
26	Giáo trình lý thuyết tài chính – tiền tệ	PGS.TS Nguyễn Hữu Tài	NXB ĐH Kinh tế quốc dân	2007
27	Thanh toán quốc tế	TS. Nguyễn Minh Kiều	NXB Thống kê	2006
28	Phân tích chứng khoán	PGS. TS Bùi Kim Yến	NXB Giao thông vận tải.	2009
29	Giáo trình Thị trường chứng khoán	PGS. TS Bùi Kim Yến	NXB Giao thông vận tải.	2009
30	Phân tích dự án đầu tư	Trịnh Thùy Anh	NXB Thống kê	2008
31	Chuyên đề kỹ năng lập thang bảng lương và xác định mức lương	TS. Lê Quân	Đại học Thương Mại	2006
32	Hệ thống thông tin quản lý	Trương Văn Tú, Trần Thị Song Minh	NXB Tài chính	2011
33	Quản lý nhà nước về kinh tế và quản trị kinh	Nguyễn Văn Chơn	NXB KH-KT	2001

	doanh của doanh nghiệp			
34	Bán hàng & Quản trị bán hàng	Trần Đình Hải	NXB thống kê	2005
35	Quản trị bán hàng	James M. Comer	NXB Hồng Đức	1990
36	Quản trị chiến lược	GS. TS Đoàn Thị Hồng Vân	NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh	2011
37	Giáo trình quản trị chiến lược	PGS.TS. Lê Thanh Tâm	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.	2000
38	Giáo trình Quản trị rủi ro	Trần Hùng	NXB Hà Nội	2017
39	Quản trị sản xuất và dịch vụ	GS. TS Đồng Thị Thanh Phương	NXB Thống kê	2002
40	Quản trị sản xuất và tác nghiệp	TS. Phùng Thị Hồng Hà, TS. Thái Thanh Hà	NXB Đại học Huế	2009
41	Franchise - Bí quyết thành công bằng mô hình nhượng quyền kinh doanh	Lý Quý Trung	NXB Trẻ	2006
42	Thương hiệu với nhà quản lý	Nguyễn Quốc Thịnh	NXB Chính trị Quốc gia	2004
43	Giáo trình lý thuyết tài chính – tiền tệ	PGS.TS Nguyễn Hữu Tài	NXB ĐHKQTĐ, Hà Nội.	2007
44	Giáo trình tâm lý học kinh doanh	PGS.TS. Nguyễn Bá Dương- TS. Đức Uy	NXB Thống kê	2008
45	Kinh tế - Kỹ thuật phân tích và lựa chọn dự án đầu tư	GS. Phạm Phú	NXB Thống kê TP.HCM	2007
46	Giáo trình Thuế	Nguyễn Thị Liên; Nguyễn Văn Hiệu	Học viện tài chính.	2008
47	Giáo trình quản trị doanh nghiệp	Đồng Thị Thanh Phương	NXB Thống kê.	2018
48	Giáo trình quản trị	Lê Văn Tâm,	NXB Đại	2018

	doanh nghiệp	Ngô Kim Thanh	học Kinh tế quốc dân	
49	Thuế và kế toán thuế Việt Nam- Lý Thuyết và thực hành	Phạm Đức Cường	Nhà xuất bản Tài chính	2011
50	Giáo trình thuế và hệ thống thuế ở Việt Nam	Bùi Xuân Lưu	Nhà xuất bản Giáo dục	2010
51	Giáo trình thuế (Lý thuyết, Bài tập và bài giải)	Lê Thị Thanh Hà	NXB Thống kê	2011
52	Bài tập thuế	Nguyễn Kim Quyên	NXB Lao động – Xã hội	2011
53	Giáo trình tâm lý học kinh doanh	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Thống kê	2008
54	Giáo trình Luật kinh tế Việt Nam	Nguyễn Như Phát	Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội	2001
55	Giáo trình quản trị học	Phạm Minh Châu, Nguyễn Thị Liên Hiệp, Phạm Xuân Lan	NXB Phương Đông	2006
56	Quản trị học	Nguyễn Thị Liên Diệp, Phạm Văn Nam	NXB Thống Kê	1996
57	Quản trị học	Nguyễn Văn Trình, Phạm Văn Nam	NXB Lao động.	2003
58	Quản trị học những vấn đề cơ bản	Nguyễn Tân Phước	NXB Thống kê	1995
59	Management	James A.F. Stoner, Charles Wankel	Management, Prentice Hall Inc	1996
60	Management,.	Robert Kreitner Fifth Edition	Houghton Mifflin	1992
61	The impact of energy price on Vietnam economy	Nguyen Van Chung	NXB khoa học kỹ Thuật	2021
62	English for the hotel	Trish Stott &	Oxford	2015

	and catering industry	Rod Revell	express	
63	<i>English for Restaurant Workers (4nd Edition)</i>	Renee Talalla	Compass Pulishing	2018
64	English for Business Studies	Lan MacKenzie	Cambridge University Press	2010
65	Bài giảng thương mại điện tử	Nguyễn Văn Chung	ĐH Quảng Bình	2021
66	Bài giảng tiếng anh chuyên ngành	Nguyễn Văn Chung	ĐH Quảng Bình	2021
67	Research methods for business	Uma Sekaran	John Wiley & Sons, Inc.	2018
68	Bài giảng Kinh tế học đại cương	Nguyễn Thị Kim Phụng	Trường Đại học Quảng Bình.	2021
69	Kinh tế học đại cương	Việt Hà	NXB Đồng Nai	2007
70	Giáo trình Kinh tế học đại cương	Trần Đăng Thịnh, Võ Hữu Phước, Huỳnh Thị Cẩm Tú	NXB Đại học Quốc Gia Tp. HCM	2009
71	Kinh tế học đại cương	Nguyễn Văn Luân, Nguyễn Tiến Dũng, Nguyễn Văn Trình, Nguyễn Chí Hải	NXB Đại học Quốc gia Tp.HCM	2007
72	Bài giảng hệ thống thông tin quản lý	Nguyễn Thị Kim Phụng	Trường Đại học Quảng Bình.	2021
73	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin với UML	Tôn Thất Hoài An	Phiên bản trực tuyến.	2011
74	Bài giảng hệ thống thông tin quản lý	Lê Thị Ngọc Diệp	Học viện công nghệ bưu chính viễn thông.	2013
75	Bài giảng Kinh tế phát triển	Nguyễn Thị Kim Phụng	Trường Đại học Quảng Bình.	2021

76	Giáo trình Kinh tế phát triển	PGS. TS. Vũ Thị Ngọc Phụng	NXB Lao động – Xã hội	2005
77	Giáo trình Kinh tế phát triển	PGS. TS. Phạm Ngọc Linh, TS. Nguyễn Thị Kim Dung	NXB Đại học kinh tế quốc dân	2011
78	Kinh tế các nước Asian	Nguyễn Thị Thúy Hồng	NXB Giáo dục.	2008
79	Giáo trình kinh tế học phát triển	Viện Kinh tế	NXB Chính trị - Hành chính Hà Nội.	2019
80	Bài giảng Kinh tế quốc tế	Nguyễn Thị Kim Phụng	Trường Đại học Quảng Bình.	2021
81	Giáo trình Kinh tế học quốc tế	Nguyễn Như Bình	NXB Thống kê	2006
82	Giáo trình Quan hệ kinh tế quốc tế	Nguyễn Phúc Thọ, Lương Xuân Chính	NXB Nông nghiệp	2006
83	Những thách thức và cơ hội	Viện nghiên cứu Đông Nam Á	NXB Chính trị quốc gia	2006
84	Giáo trình Kinh tế quốc tế	GS. TS. Đỗ Đức Bình, TS. Ngô Thị Tuyết Mai	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2012
85	Bài giảng Kinh tế vi mô	Nguyễn Thị Kim Phụng	Trường Đại học Quảng Bình.	2021
86	Nguyên lý kinh tế học vi mô	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	NXB Đại học kinh tế quốc dân	2014
87	Kinh tế học vi mô	Vũ Kim Dũng	NXB Thống kê	2006
88	Bài giảng Quản lý nhà nước về kinh tế	Nguyễn Thị Kim Phụng	Trường Đại học Quảng Bình.	2021
89	Giáo trình Quản lý nhà	Nguyễn Văn	NXB Lý luận	2004

	nước về kinh tế	Sáu	chính trị	
90	Giáo trình kinh tế và quản lý môi trường	Nguyễn Thế Chinh	NXB Thống kê	2003
91	Giáo trình Quản lý nhà nước về kinh tế	Đỗ Hoàng Toàn và Mai Văn Bưu	NXB Lao động – Xã hội	2005
92	Bài giảng Tín dụng và thanh toán quốc tế	Nguyễn Thị Kim Phụng	Trường Đại học Quảng Bình	2021
93	Giáo trình Thanh toán quốc tế	TS. Nguyễn Minh Kiều	NXB Thống kê	2006
94	Thanh toán quốc tế – Tài trợ ngoại thương và Kinh doanh ngoại hối	TS. Đỗ Linh Hiệp	NXB Thống kê	1999
95	Bài giảng Kinh tế vĩ mô	Nguyễn Văn Ngọc	Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội	2007
96	Giáo trình Kinh tế học vĩ mô	Phạm Quang Phan	Nhà xuất bản Thống kê.	2006
97	Giáo trình kinh tế vĩ mô	Trần Thị Thu Thủy	Trường Đại học Quảng Bình.	2021
98	Giáo trình kinh tế vĩ mô	Bùi Quang Bình	Nhà xuất bản Giáo dục	2008
99	giáo trình nguyên lý kinh tế vĩ mô	Nguyễn Văn Công	Nhà xuất bản Lao động.	2008
100	Hướng dẫn giải bài tập kinh tế vĩ mô,	Nguyễn Văn Công, Hoàng Yến	trường Đại học Kinh tế quốc dân.	2007
101	Giáo trình kinh tế lượng	Nguyễn Quang Dong	NXB Giao thông vận tải	2012
102	Kinh tế lượng	Huỳnh Đạt Hùng, Nguyễn Khánh Bình, Phạm Xuân Giang	Nhà xuất bản Phương Đông	2013
103	Giáo trình kinh tế lượng	Trần Thị Thu Thủy	Đại học Quảng Bình	2021
104	Mô hình kinh tế lượng	Trần Văn Tùng	Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội	2001
105	Quản trị văn phòng	Nguyễn Hữu Tri	Nhà xuất bản Khoa học kỹ thuật	2005
106	Giáo trình quản trị văn phòng	Nguyễn Thành Độ	Nxb Đại học Kinh tế quốc	2012

			dân	
107	Entrepreneurship and Innovations in E-Business: An Integrative Perspective	Fang Zhao	Royal Melbourne Institute of Technology University, Australia	2006
108	Bài giảng Quản trị tài chính	Nguyễn Tuyết Khanh	Đại học Quảng Bình	2021
109	Bài giảng Kinh tế học đại cương	Phan Văn Thành	Trường Đại học Quảng Bình	2021
110	Bài giảng Quản trị sản xuất	Hoàng Thị Dung	Trường Đại học Quảng Bình	2021
111	Bài giảng Thị trường chứng khoán	Hoàng Thị Dung	Trường Đại học Quảng Bình	2021
112	Bài giảng Marketing căn bản	Phạm Thị Bích Thủy	Trường Đại học Quảng Bình	2021
113	Bài giảng Quản trị doanh nghiệp	Phạm Thị Bích Thủy	Trường Đại học Quảng Bình	2021
114	Bài giảng Quản trị học	Phạm Thị Bích Thủy	Trường Đại học Quảng Bình	2021

13. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Chương trình đào tạo ngành là cơ sở giúp Hiệu trưởng quản lý chất lượng đào tạo Đại học, là quy định bắt buộc đối với tất cả các khoa chuyên môn nghiêm túc thực hiện theo đúng nội dung chương trình đã xây dựng.

Căn cứ chương trình đào tạo ngành, Trưởng các khoa chuyên môn có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn các bộ môn tiến hành xây dựng các đề cương chi tiết học phần và hồ sơ học phần theo quy định của trường sao cho vừa đảm bảo được mục tiêu, nội dung, yêu cầu đề ra, vừa đảm bảo phù hợp với điều kiện cụ thể của nhà trường, của địa phương, đáp ứng nhu cầu của người học và của toàn xã hội. Trên cơ sở đề cương chi tiết học phần, tiến hành xây dựng kế hoạch kinh phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế và mua sắm bổ sung các thiết bị, máy móc, hóa chất, dụng cụ thí nghiệm chi tiết cho từng học phần và cho toàn khóa đào tạo.

Trưởng các khoa chuyên môn có trách nhiệm ký, duyệt đề cương chi tiết học phần, xây dựng kế hoạch dạy học, kinh phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế; các điều kiện đảm bảo thực hiện các chương trình đào tạo và chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo, chuẩn đầu ra. Trưởng các Phòng, Ban, Trung tâm chức năng liên quan

có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định và trình Hiệu trưởng phê duyệt cho triển khai thực hiện.

Chương trình cũng được áp dụng cho hình thức đào tạo hệ vừa làm vừa học nhưng thời gian đào tạo kéo dài thêm 6 đến 12 tháng tùy theo kế hoạch sắp xếp thời gian.

Trong quá trình thực hiện chương trình, hằng năm nếu thấy cần phải điều chỉnh cho phù hợp với thực tế thì đơn vị chuyên môn có văn bản trình lên Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường xem xét, nếu phù hợp Hội đồng Khoa học và Đào tạo trình hiệu trưởng Nhà trường có quyết định điều chỉnh và chỉ được thực hiện điều chỉnh khi có Quyết định của Hiệu trưởng nhà trường./.

14. Thông tin về kiểm định chất lượng giáo dục Trường

Năm 2017, Trường Đại học Quảng Bình đã được công nhận là cơ sở đạt chuẩn chất lượng giáo dục theo Quyết định số 75/QĐ-CEA.UD ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục Đại học Đà Nẵng.

15. Các chương trình, tài liệu tham khảo

15.1 Tham khảo CTĐT ngành Quản trị Dịch vụ du lịch lữ hành của các trường đại học

1. Đại học kinh tế Đà Nẵng
(<https://due.udn.vn/vi-vn/khoa/quan-tri-kinh-doanh/gioi-thieu/cid/1684>)
2. Đại học kinh tế Huế (file)
(<https://hce.edu.vn/#/detail/contentschild/nganh-quan-tri-kinh-doanh/31191/45>)
3. Đại học kinh tế Thành Phố Hồ Chí Minh
(<https://som.ueh.edu.vn/dao-tao/dai-hoc/?nganh=quan-tri-kinh-doanh>)
4. Trường Eastern Mediterranean University
(<https://www.emu.edu.tr/en/programs/business-administration-undergraduate-program/919?tab=curriculum>)
5. Trường University of San Diego
(<https://www.sandiego.edu/business/undergraduate/business-administration/curriculum.php>).

15.2 Tham khảo các tài liệu:

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam.
- Luật Giáo dục Đại học (Luật số 08/2012/QH13 ngày 18/6/2012 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Điều kiện thực tiễn (lấy ý kiến các nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, chuyên gia)

HIỆU TRƯỞNG**PGS. TS. Nguyễn Đức Vượng****Ghi chú:**

Chương trình đào tạo trình bày kiểu chữ thống nhất Times New Roman, cỡ chữ văn bản 13, cỡ chữ trong các bảng 12 bằng hệ soạn thảo WinWord; mật độ chữ bình thường khoảng cách dòng 1.3 lines; lề trên và dưới 2,0 cm, lề trái 3,0 - 3,5 cm , lề phải 2,0 cm. Số trang được đánh ở giữa phía trên mỗi trang giấy. Thụt đầu dòng 1,25 cm hàng chữ đầu tiên của mỗi đoạn văn, văn bản căn lề hai bên.